



# BÁO CÁO NGÀY

Chờ đợi vượt mốc lịch sử

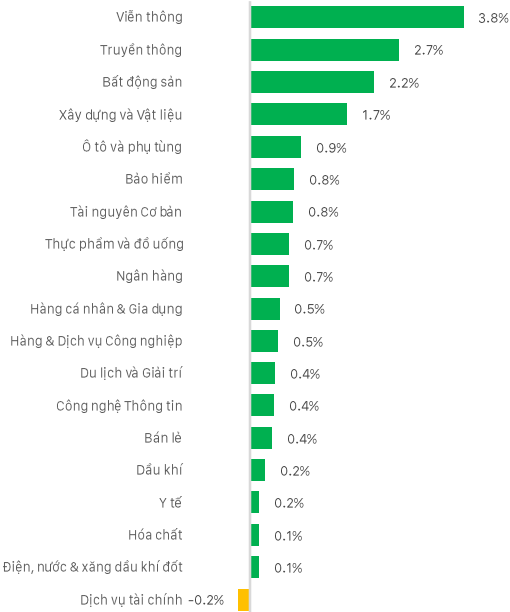
Ngày 18.07.2025

The  
Hallmark



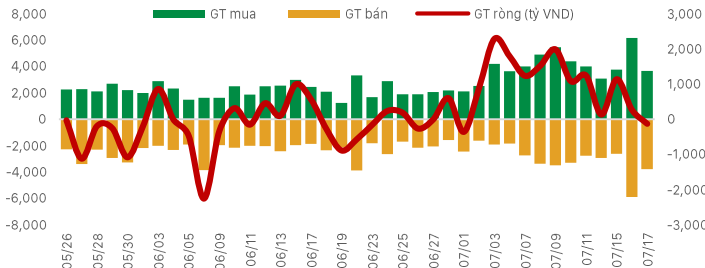
- Sức mạnh của nhóm cổ phiếu bất động sản đã góp phần kéo chỉ số Vnindex tiến về mốc 1500 nhanh hơn. Giá trị giao dịch phiên đạt mức kỷ lục trên 34 ngàn tỷ. Thị trường vẫn duy trì xung lực mạnh với số cổ phiếu tăng nhiều gần gấp đôi so với cổ phiếu giảm.
- Nhóm ngành BĐS thay thế chứng khoán làm động lực chính với nhóm Vingroup dẫn đầu. 3 cổ phiếu dẫn đầu của VN30 đều là cổ phiếu của Vingroup trong đó VHM tăng trần lên 94.1. Nhiều cổ phiếu lớn khác như NVL, DIG cũng dư mua giá trần. Trong khi đó nhóm chứng khoán chứng lại chỉ còn VIX tăng khoảng 3%. Nhóm ngân hàng phân hóa mạnh với nhóm tâm trung tăng khá như BVB, SSB trong khi nhóm lớn giảm nhẹ.
- Khối ngoại quay lại bán ròng trong ngày khoảng 135 tỷ đồng. Cổ phiếu bán ròng nhiều nhất là VCB hơn 200 tỷ cùng với HCM, CII, VCG, VIX. Một số cổ phiếu mua ròng có HPG, MSN, SSI, VPB, HDB.

### Biến động ngành



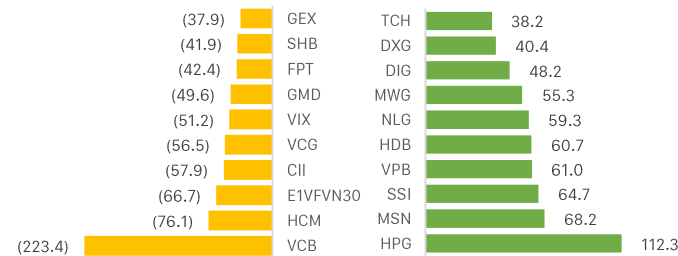
### Khối ngoại mua/bán ròng trên HOSE

Đơn vị: Tỷ VND



### Khối ngoại - Top CP mua bán ròng trong ngày

Đơn vị: Tỷ VND



### CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

| Thị trường | Điểm số  | %Δ     | YTD    |
|------------|----------|--------|--------|
| Vnindex    | 1,491.0  | 1.1%   | 17.7%  |
| Hnxindex   | 246.1    | 1.5%   | 8.2%   |
| Hang Seng  | 24,499.0 | -0.08% | 22.13% |
| Shanghai   | 3,517.0  | 0.37%  | 4.92%  |
| JP225      | 39,866.0 | 0.51%  | -0.08% |

### THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Δ     | YTD     |
|-----------|-----------|--------|---------|
| Vàng      | 3,328.9   | -0.54% | 26.87%  |
| Dầu WTI   | 66.4      | -0.03% | -7.33%  |
| Dầu Brent | 68.3      | -0.26% | -8.33%  |
| Than      | 110.0     | 0.00%  | -12.18% |
| Đồng      | 5.5       | -0.14% | 37.65%  |
| Quặng sắt | 97.1      | 0.58%  | -6.32%  |
| Thép      | 3,089.0   | 0.13%  | -6.68%  |

### THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ

| Chỉ số  | Giá (USD) | %Δ     | YTD    |
|---------|-----------|--------|--------|
| DXY     | 98.6      | 0.24%  | -9.08% |
| USD/JPY | 148.6     | 0.40%  | -5.57% |
| USD/CNY | 7.2       | 0.03%  | -2.11% |
| EUR/USD | 1.2       | -0.31% | 11.98% |
| GBP/USD | 1.3       | -0.02% | 7.10%  |

- Vnindex đang hướng về mốc 1500 mạnh mẽ với sự trợ lực của những nhóm ngành mạnh nhất thị trường là ngân hàng, chứng khoán và BĐS. Nhóm bất động sản sau khi tạo nền tích lũy gần cả tháng đã bật mạnh tăng tốc lên vùng giá mới. Trừ DXG đã tăng mạnh trước đó, nhóm DIG, NVL, HDG đều lên mức trần dư mua tạo động lực kéo theo hàng loạt cổ phiếu bất động sản khác. Về mặt giá trị nhóm BĐS khi so với cách đây 3 năm thời điểm Vnindex ở 1500 thì nhiều cổ phiếu như DIG, NVL, PDR ... đang có giá chỉ bằng từ 1/3 đến 1/4.
- Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho xu hướng tăng ngắn hạn của Vnindex rất mạnh mẽ và có thể sớm vượt 1500 trong vài phiên tới. Một điểm lưu ý là khối ngoại giao dịch vẫn ở mức cao nhưng lực mua ròng đang chậm lại và đang chuyển sang bán ròng trong phiên vừa qua dù mức bán ròng không quá đáng kể. Dòng tiền trong nước hiện giao dịch vẫn ở mức gấp 10 lần so với khối ngoại.
- Thị trường vẫn trong trạng thái lạc quan vì vậy các vị thế nắm giữ tiếp tục duy trì. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng, chứng khoán, Bất động sản vẫn ưu tiên giao dịch như: MBB, OCB, EIB, BID, TCB, HPG, HAG, VIX, SSI, DIG, DXG, NVL, GVR.



Cổ phiếu có dòng tiền giao dịch tăng mạnh

| Ticker | Close | % YTD | RSI   | MACD | MFI   |
|--------|-------|-------|-------|------|-------|
| VCI    | 41.30 | 23.7% | 71.10 | 1.37 | 66.21 |
| SHS    | 16.50 | 52.8% | 86.60 | 0.71 | 94.73 |
| AGR    | 16.25 | 0.9%  | 68.30 | 0.42 | 84.20 |
| FCN    | 15.60 | 8.3%  | 73.60 | 0.28 | 86.00 |
| VIB    | 17.05 | 2.7%  | 73.10 | 0.30 | 82.01 |
| KDH    | 28.95 | -9.2% | 66.60 | 0.46 | 80.11 |
| AGG    | 18.10 | 17.5% | 69.70 | 0.24 | 80.69 |
| HHV    | 13.65 | 16.7% | 75.50 | 0.26 | 89.63 |
| BSI    | 45.20 | 3.2%  | 62.60 | 1.01 | 66.46 |
| PAC    | 28.90 | 0.0%  | 79.80 | 0.77 | 79.98 |
| DXG    | 19.45 | 52.0% | 82.80 | 0.80 | 73.29 |
| LCG    | 10.35 | -0.5% | 72.40 | 0.21 | 78.58 |
| MBS    | 29.20 | 2.5%  | 64.30 | 0.58 | 84.31 |
| SSI    | 31.90 | 22.7% | 90.30 | 1.89 | 98.01 |
| HDC    | 30.55 | 21.7% | 80.50 | 1.16 | 87.37 |
| NLG    | 41.35 | 14.9% | 72.60 | 0.97 | 81.51 |

Biểu đồ PE lịch sử

